

Bản án số: 103/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2019

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn K Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị K, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp NMB, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh Q, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp NMB, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2019, biên bản hòa giải ngày 25/7/2019 cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị K trình bày:*

Chị K và anh Q tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị K và anh Q chung sống hạnh phúc được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống và thường cãi nhau nên anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Do đó, chị K yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với anh Q.

Con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 02/6/2003 và Trần Phú L, sinh ngày 02/7/2007, hiện nay con chung do chị K nuôi dạy. Khi ly hôn chị K yêu cầu nuôi dạy con chung nhưng không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Tài sản chung: Chị K và anh Q tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

**Tại bản tự khai ngày 25/7/2019, biên bản hòa giải ngày 25/7/2019 anh Trần Minh Q trình bày:*

Anh Q thống nhất với phần trình bày của chị Trần Thị K về mối quan hệ như: Hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn.

Do cuộc sống chung giữa anh Q và chị K không còn hạnh phúc nên anh Q thống nhất chấm dứt mối quan hệ với chị K. Con chung đã lớn nên anh Q thống nhất theo sự lựa chọn của các con. Nếu con chung theo chị K thì chị K nuôi dạy, anh Q không cấp dưỡng nuôi con, nếu con chung theo anh Q thì anh Q nuôi dạy, anh Q không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh Q và chị K tự thỏa thuận; nợ chung không có nên anh Q không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện, chị K và anh Q chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do đó áp dụng Điều 14, 53 luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị K và anh Q là vợ chồng. Con chung của anh Q và chị K hiện đang sống chung với chị K và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị K nên cần giao chị K nuôi dạy, chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét; tài sản chung chị K và anh Q tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị K khởi kiện yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với bị đơn là anh Trần Minh Q. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Anh Q có nơi cư trú tại ấp NMA, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh Q đã nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án và có ý kiến đối với yêu cầu của chị K. Đồng thời anh Q có tham gia phiên họp và hòa giải ngày 25/7/2019. Đồng thời, do điều kiện đi lại khó khăn nên tại đơn yêu cầu ngày 25/7/2019 anh Q có yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị K và anh Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Q chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2019, chị K và anh Q thừa nhận thời gian chung sống với nhau giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị K và anh Q thống nhất chấm dứt mối quan hệ với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Trần Thị K và anh Trần Minh Q là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, chị K và anh Q có 02 con chung, cháu tên Trần Minh H, sinh ngày 02/6/2003 (giới tính nam) và Trần Phú L, sinh ngày 02/7/2007 (giới tính nam). Xét thấy, tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 25/7/2019 cũng như tại phiên tòa, chị K yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung là có cơ sở. Bởi vì, con chung hiện chị K nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Hơn nữa, tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải ngày 25/7/2019 anh Q thống nhất con chung theo ai người đó nuôi dạy; tại bản tự khai ngày 06/6/2019, biên bản ghi lời khai ngày 25/6/2019 cháu H và cháu L có yêu cầu và nguyện vọng được tiếp tục

chung sống với chị K. Do đó, cần tiếp tục giao con chung cho chị K nuôi dạy là phù hợp theo Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị K và anh Q xác định thời gian chung sống anh chị có tài sản chung nhưng anh chị đã tự thỏa thuận xong và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Tại xác nhận ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận hiện tại chị K và anh Q không bị ai yêu cầu liên quan đến nợ đối với chị K và anh Q tại Ủy ban dân dân xã. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, chị K, anh Q xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị K và anh Trần Minh Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 02/6/2003 (giới tính nam) và Trần Phú L, sinh ngày 02/7/2007 (giới tính nam) cho chị Trần Thị K tiếp tục nuôi dạy. Anh Trần Minh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị K và anh Trần Minh Q tự thỏa thuận và không có yêu cầu nên không xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 10 tháng 6 năm 2019 chị K có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006208 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Minh Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND huyện Thới Bình;

- THADS huyện Thới Bình;

- TAND tỉnh Cà Mau;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn K Trang